



Tháng 4 năm 2025

01 **SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

(so với cùng kỳ năm trước)



TRỒNG TRỌT

DIỆN TÍCH MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG CHỦ YẾU (Ha)

Lúa Đông xuân	13.450		2,89%	Nhãn	19.795		0,32%
Ngô	2.960		7,21%	Xoài	19.561		0,72%
Sắn	44.176		2,76%	Mận	13.359		7,63%
Rau các loại	6.500		4,27%	Chuối	5.823		4,43%

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG (Tấn)

Chuối	18.166		2,73%	Chè	2.391		3,71%
Mận	10.054		23,24%	Cao su	345		52,65%



CHĂN NUÔI

SỐ LƯỢNG GIA SÚC, GIA CẦM (Con)

Trâu	107.265		1,91%	Lợn	652.124		9,32%
Bò	389.645		0,76%	Gia cầm	8.350.000		3,60%



LÂM NGHIỆP

Gỗ khai thác	5.155 m ³		10,19%
--------------	----------------------	--	--------



THỦY SẢN

Tổng số diện tích (ha) Tổng sản lượng nuôi trồng (tấn)

2.961 1,30%

2.655,5 5,33%

02

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - IIP

Ước 4 tháng đầu năm 2025 (%)

Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí

99,47



Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

103,08

Công nghiệp Chế biến, chế tạo

109,12



Công nghiệp khai khoáng

106,29



SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

(Ước 4 tháng đầu năm 2025)

So với cùng kỳ năm trước (%)



Đá xây dựng các loại (m³)

261.200,9

106,29



Tinh bột sắn, bột dong riềng (tấn)

59.146,0

137,68



Đường chưa luyện - RS (tấn)

55.901,0

95,61



Xi măng Portland đen (tấn)

188.153,0

112,27



Điện sản xuất (Triệu KWh)

1.715,8

99,26

03

HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP THÁNG 4



3.897

DN đang hoạt động



88

DN thành lập mới



14

DN giải thể



02

DN hoạt động trở lại



13

DN tạm ngừng KD

04

BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ

(↑↓ so với cùng kỳ năm trước)

**ƯỚC 4 THÁNG
ĐẦU NĂM 2025**

TỔNG SỐ
17.206,17 tỷ đồng
 ↑ **13,32%**

Bán lẻ hàng hóa

13.524,43 ↑ 13,11%



Dịch vụ lưu trú và ăn uống

1.770,81 ↑ 17,31%



Dịch vụ lữ hành

11,45 ↑ 22,57%



Dịch vụ khác

1.899,48 ↑ 11,38%



05

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG, ĐÔ LA MỸ
BÌNH QUÂN 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(↑↓ so với cùng kỳ năm trước)

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG - CPI (%)

Đồ uống và thuốc lá

Hàng ăn và
dịch vụ ăn uống

108,77

100,24

101,43

May mặc, mũ nón
và giày dépHàng hóa và
dịch vụ khác

101,43

102,86

Nhà ở và
vật liệu xây dựng

100,91

Văn hóa,
giải trí và du lịch

99,94

Thiết bị và
đồ dùng gia đình

100,46

Giáo dục

109,53

Thuốc và
dịch vụ y tế

100,42

Bưu chính viễn thông

100,00

Giao thông

94,52

**CHỈ SỐ GIÁ
VÀNG (%)****118,28****CHỈ SỐ GIÁ
ĐÔ LA MỸ (%)****103,53**

06

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA

(↑↓ so với cùng kỳ năm trước)

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải
1.345,91 tỷ đồng ↑ 12,32%

Vận tải hành khách



205,94 tỷ đồng
↑ 13,25%

Khối lượng hành khách vận chuyển

2.134,52 nghìn HK ↑ 12,70%

Khối lượng hành khách luân chuyển

209.837,58 nghìn lượt HK.Km ↑ 12,66%

Khối lượng hàng hóa vận chuyển

2.884,13 nghìn tấn ↑ 13,70%

Khối lượng hàng hóa luân chuyển

358.027,09 nghìn tấn.Km ↑ 13,14%

Vận tải hàng hóa



1.105,56 tỷ đồng
↑ 12,10%

07

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

(↑↓ so với cùng kỳ năm trước)

Tổng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách
Nhà nước do địa phương quản lý



Tổng số

1.117 tỷ đồng
↑ 16,17%

Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh

958 tỷ đồng ↑ 19,70%



Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện

159 tỷ đồng ↓ 1,36%



08

THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN
1.170 tỷ đồng

Đạt **26%** dự toán HĐND giao

TỔNG CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN
4.500 tỷ đồng

Bằng **21,2%** dự toán HĐND giao



09

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI



An toàn giao thông



50 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng
44 người chết; **46** người bị thương nặng



Tình hình cháy, nổ



Xảy ra **10** vụ, thiệt hại tài sản ước tính
khoảng **2,88** tỷ đồng.

CHI CỤC THỐNG KÊ
TỈNH SƠN LA